

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **483/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/5/2026

*V/v: Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lưu Thị Hà

Bà Đàm Thị Kim Thanh

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5- Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5- Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5- Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2026/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1252026/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 05/5/2026 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1986**

Nơi thường trú: Số A H, xã P, thành phố Hà Nội

Nơi ở hiện tại: Xóm F Đ, thôn L, xã X, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân số: 024186000301; Ngày cấp: 25/04/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

**Bị đơn: Ông Đoàn Đức H1, sinh năm 1970**

Nơi cư trú: Số A H, xã P, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số: 001070018626; Ngày cấp: 09/12/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

*(Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H1 vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị H là Nguyên đơn trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:*

Bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện với ông Đoàn Đức H1, sinh năm 1970 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 17/03/2008. Sau khi kết hôn bà và ông H1 sinh sống cùng với gia đình ông H1 tại thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H1 thường xuyên rượu bia, ham chơi cờ bạc không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với các con và còn đánh đập bà. Sau khi xảy ra mâu thuẫn bà có khuyên nhủ ông H1 nhưng ông H1 không thay đổi. Vì vậy, đến năm 2014 bà và ông H1 đã từng sống ly thân khoảng hơn 1 năm, sau đó hai bên gia đình động viên, khuyên nhủ, ông H1 cũng xin lỗi nên đến năm 2016 bà quay về sống chung với ông H1 để cho ông H1 có cơ hội sửa chữa. Từ khi quay về sống chung ông H1 không thay đổi, vẫn thường xuyên rượu bia và không quan tâm đến gia đình. Đến năm 2022 do mâu thuẫn trầm trọng bà có nộp đơn ly hôn ông H1 tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội nhưng sau khi làm việc tại Tòa án ông H1 tha thiết xin lỗi và hứa thay đổi nên bà đã rút đơn ly hôn. Sau khi cho ông H1 thêm cơ hội, cuộc sống vợ chồng bà vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến tháng 6/2025, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục căng thẳng mặc dù sống chung nhà nhưng mỗi người sống riêng một phòng không ai quan tâm đến ai. Đến đầu tháng 02/2026, sau khi cãi nhau ông H1 có đuổi bà đi nên bà đã dọn đồ về nhà mẹ đẻ tại xã X, tỉnh Bắc Ninh sinh sống từ đó cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng không thể hàn gắn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Đức H1.

*Về con chung:* Bà và ông H1 có 02 con chung là Đoàn Thùy D, sinh ngày 20/12/2007 và Đoàn Đức Việt A, sinh ngày 13/12/2009. Hiện nay hai con đang sinh sống cùng bà từ khi vợ chồng sống ly thân. Trong trường hợp bà và ông H1 ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Việt A; Cháu D đã trưởng thành nên cháu muốn ở với ai là do cháu tự quyết định

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng:* Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Án phí:* Bà tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

***Bị đơn trong vụ án là ông Đoàn Đức H1 trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã nhiều lần đ<sup>o</sup>ọc Toà án triệu tập hợp lệ đến Toà án để công khai chứng cứ, hoà giải về việc bà Lê Thị H xin ly hôn nh<sup>o</sup>ng ông H1 vắng mặt và không có lời khai gì khi Tòa án giải quyết vụ án.***

Tại phiên tòa bà H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày ở trên, ông H1 vắng mặt không có lý do.

***Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, H2 đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, H2 đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành đầy đủ, không đưa ra tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình.

\*Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Đoàn Đức Việt A, sinh ngày 13/12/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung và công nợ:

Bà H, ông H1 không yêu cầu tòa giải quyết nên đề nghị không xét.

- Về án phí:

Vụ án thụ lý ngày 12/3/2026, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công khai và xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Quan hệ pháp luật tranh chấp bà Lê Thị H yêu cầu xin ly hôn với ông Đoàn Đức H1 nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là: “Tranh chấp ly hôn”.

Bị đơn ông Đoàn Đức H1, có nơi cư trú tại: Số A H, xã P, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm

2025, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

Bị đơn trong vụ án ông Đoàn Đức H1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đ-ợc toà án triệu tập nhiều lần nh- ng đều vắng mặt. Ngày 05/5/2026 T án mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nh- ng ông H1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà để xét xử vào ngày 12/5/2026. Tại phiên toà ngày 12/5/2026 ông H1 tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai ông H1 vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã đ-ợc toà án tổng đạt hợp lệ nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về nội dung vụ án, giải quyết yêu cầu của đương sự:**

*Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Lê Thị H và ông Đoàn Đức H1 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 17/03/2008 được thể hiện qua Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29/2008. Việc kết hôn giữa hai vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, do vậy việc kết hôn là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi bà H và ông H1 kết hôn thực tế cuộc sống chung vợ chồng hòa hợp đến năm 2012 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H1 thường xuyên rượu bia, ham chơi cờ bạc không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với các con và còn đánh đập bà H. Sau khi xảy ra mâu thuẫn bà H có khuyên nhủ ông H1 nhưng ông H1 không thay đổi. Vì vậy, đến năm 2014 bà H và ông H1 đã từng sống ly thân khoảng hơn 1 năm, do được hai bên gia đình tác động, ông H1 cũng xin lỗi nên đến năm 2016 bà H quay về sống chung với ông H1 để cho ông H1 có cơ hội sửa chữa. Từ khi quay về sống chung ông H1 không thay đổi, vẫn thường xuyên rượu bia và không quan tâm đến gia đình. Đến năm 2022 do mâu thuẫn trầm trọng bà H đã nộp đơn ly hôn ông H1 tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà nội nhưng sau khi làm việc tại Tòa án ông H1 tha thiết xin lỗi và hứa thay đổi nên bà H đã rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, cho ông H1 thêm cơ hội, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến tháng 6/2025, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục căng thẳng mặc dù sống chung nhà nhưng mỗi người sống riêng một phòng không ai quan tâm đến ai. Đến đầu tháng 02/2026, sau khi cãi nhau ông H1 có đuổi bà H đi nên bà đã dọn đồ về nhà mẹ đẻ tại xã X, tỉnh Bắc Ninh sinh sống từ đó cho đến nay, phát sinh nhiều mâu thuẫn do không chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ được với nhau để tìm sự thương yêu giữ gìn hạnh phúc. Đây là lần thứ hai bà H gửi đơn đến Tòa án để xin ly hôn với ông H1. Xét

thấy việc bà H xin ly hôn ông H1 và cho rằng tình cảm không còn, ông bà sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc. Qua tìm hiểu và trao đổi với gia đình bà H và ông H1 thì gia đình hai bên cũng đã phân tích động viên hoà giải nh- ng bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông H1. Quá trình giải quyết vụ án ông H1 không xuất trình đ- ợc bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc đ- a ra giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng mà luôn luôn có thái độ không hợp tác cơ quan pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho mình. Toà án đã nhiều lần tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải nh- ng ông H1 cố tình vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hoà giải khi T án triệu tập, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông H1 là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân một thời gian, tình cảm vợ chồng rạn nứt, ông H1 mặc dù đã đ- ợc Toà án tạo điều kiện để tham gia các phiên hoà giải nh- ng ông H1 đều vắng mặt nh- vậy cho thấy ông H1 không mong muốn đoàn tụ gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung giữa bà H và ông H1 không thể kéo dài do mâu thuẫn trầm trọng, nên yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 19 và 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đ- ợc chấp nhận.

*Về con chung:*

Bà H và ông H1 xác nhận có 02 con chung là Đoàn Thùy D, sinh ngày 20/12/2007 và Đoàn Đức Việt A, sinh ngày 13/12/2009. Hiện nay hai con đang sinh sống cùng bà H từ khi vợ chồng sống ly thân. Trong trường hợp ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Việt A; Cháu D đã trưởng thành nên cháu muốn ở với ai là do cháu tự quyết định. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung là cháu Đoàn Đức Việt A, sinh ngày 13/12/2009 cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông H1 cho đến khi cháu Đoàn Đức Việt A, sinh ngày 13/12/2009 thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

*Về tài sản chung:*

Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về công nợ:*

Quá trình giải quyết vụ án cho đến tr- ớc khi T án công khai chứng cứ và ra quyết định đ- a vụ án ra xét xử ông H1 bị đơn không có yêu cầu phản tố về công nợ và tài sản chung nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đ- ơng sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

**[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:**

Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà H, ông H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### ***Áp dụng:***

Điều 28; 35; 39; 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Điều 19; 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

### ***Xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị H. Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Đoàn Đức H1.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Đoàn Đức Việt A, sinh ngày 13/12/2009 cho bà Lê Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông H1 cho đến khi cháu Đoàn Đức Việt A, sinh ngày 13/12/2009 thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Ông H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung vợ chồng: Bà H, ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Quá trình giải quyết vụ án cho đến tr-ớc khi T án công khai chứng cứ và ra quyết định đ- a vụ án ra xét xử ông H1 bị đơn không có yêu cầu phản tố về công nợ và tài sản chung nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đ- ong sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Án phí: Bà Lê Thị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/26E 0005832 ngày 12/3/2026 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 – Hà Nội nay chuyển thành án phí Ly hôn sơ thẩm.

Bà H, ông H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;;
- VKSND Khu vực 5-Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5-Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Viết Tuấn**